

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2025/HS-PT
Ngày: 04 - 9 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Ông Nguyễn Lê Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Mơ – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Võ Mỹ Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 207/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Kim N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2025/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cũ).

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Kim N, sinh ngày 03/5/1984 tại tỉnh Đồng Tháp (Tiền Giang cũ). Thẻ CCCD/CMND: 311903390; Nơi cư trú: Tổ , khu , xã C B, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ cũ: Tổ , khu , thị trấn C B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang); Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Thanh V (chết) và bà Huỳnh Thị H (chết); Vợ: Dương Thị Thanh T (đã ly hôn) và có 01 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 24/11/2024, chuyển tạm giam ngày 03/12/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, bản án còn có 01 bị hại và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do đang nợ tiền nhiều người, bị cáo Nguyễn Kim N nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngân quen biết anh Lê Chí T, sinh năm 1981, nơi cư trú tại /23/41 B S, phường , quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, N có kêu anh T cung cấp thông tin cá nhân để làm thủ tục vay tiền nhưng do T bị nợ xấu nên không vay được. Sau đó, T gửi cho N ảnh căn cước công dân của em ruột là anh Lê Thanh M,

sinh năm 1985, nơi cư trú: Ấp L, xã T T, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang để N làm thủ tục hồ sơ vay. Nhưng Lê Thanh M không đồng ý nên N không làm thủ tục vay tiền nhưng vẫn lưu ảnh căn cước công dân của Lê Thanh M trong điện thoại của N.

Khoảng tháng 7/2024, N nảy sinh ý định liên hệ tìm người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay tiền. N liên hệ với anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1975, nơi cư trú: Ấp T A, xã N B, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, trình bày việc đang mắc nợ và hỏi biết người nào nhận thế chấp quyền sử dụng đất, vay tiền với điều kiện viết giấy tay, không sang tên, thời hạn vay 01 đến 03 tháng, anh P đồng ý. Đến tháng 10/2024, P liên hệ người quen tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang có thể giúp vay, phí môi giới 10%, lãi suất 5%/tháng. Đến cuối tháng 10/2024, N tìm trên Facebook người rao bán đất tại ấp H A, xã N H, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, N đi xem vị trí của thửa đất. Sau đó, N tìm trên Facebook tiếp tục tìm người làm giả giấy tờ, liên hệ và sau đó kết bạn Zalo với tài khoản “T B” (không rõ họ tên, địa chỉ), gửi ảnh căn cước của Lê Thanh M và ảnh của N để yêu cầu làm căn cước công dân mang thông tin của Lê Thanh M nhưng gắn ảnh của Nguyễn Kim N và làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả theo thông tin mảnh đất do N cung cấp nhưng nội dung đứng tên chủ sử dụng đất là Lê Thanh M.

Sau khi nhận được giấy tờ giả, N hẹn anh P liên hệ và dẫn người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983, nơi cư trú: Số tỉnh lộ 0, phường T T, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh đến xã N H, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xem đất. Khi xem đất xong, chị T đồng ý cho N vay số tiền 170.000.000 triệu đồng nhưng hai bên giả cách bằng hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thực tế là hợp đồng vay tiền), chị T yêu cầu N cung cấp số tài khoản để chuyển tiền. Do sợ bị phát hiện lừa đảo nên N đã nhờ anh T xin số tài khoản của Lê Thanh M để chị T chuyển 161.500.000 đồng (đã trừ tiền lãi 8.500.000 đồng của tháng đầu). Do T không có tiền mặt nên đã nhờ chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1983, nơi cư trú tại /28/1A đường A, phường B H H A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh chuyển giúp tiền vào tài khoản của Lê Thanh M. Sau khi số tiền 161.500.000 đồng được chuyển đến tài khoản của Lê Thanh M thì N không có tiền mặt để trả tiền phí môi giới giao dịch 10% nên Trần Minh P, sinh năm 1999, nơi cư trú ấp P H, xã P T, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (người đi cùng với chị T xem đất tại xã N H) chở N đi tìm nơi nhận chuyển, rút tiền nhanh, khi gần đến cầu N H thì có một điểm nhận chuyển tiền nhanh do anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990, cư trú ấp B T, xã T B, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang làm chủ, N vào đây xin số tài khoản và tên người nhận của chủ tiệm, sau đó nhắn tin kêu anh T liên hệ M chuyển cho N số tiền 155.000.000 đồng, số tiền còn lại N cho anh T. Dịch vụ nhận chuyển tiền xong đưa cho N tiền mặt và lấy phí 150.000 đồng. Khi nhận được tiền mặt, P chở N quay về quán nước giải khát, N trả cho chị T số tiền 17.000.000 đồng phí giao dịch.

Sau đó N nhiều lần liên lạc, nhắn tin trao đổi với chị T qua điện thoại hỏi vay thêm số tiền nhưng chị T không đồng ý và chị T nghi ngờ giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất đã nhận thế chấp cho chị T là giả nên chị T tự đi photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp đến Văn phòng công chứng Cửu Long kiểm tra thì phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà N thế chấp là giả nên chị T tiếp tục hện N gấp để cho vay tiền nhằm mục đích báo cơ quan Công an bắt N.

Ngày 24/11/2024, Nguyễn Kim N và chị Nguyễn Thị Thanh T hện nhau tiếp tục ký kết hợp đồng đặt cọc lần hai để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất (như lần trước) tại Trung tâm văn hóa huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang để N nhận thêm số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi hai bên ký kết hợp đồng đặt cọc lần hai xong N chưa kịp nhận tiền thì bị lực lượng Công an bắt giữ.

Kết quả trưng cầu giám định số 1562/KL-KTHS(Đ2) ngày 25/11/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang, kết luận: 01 “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BG131424, đứng tên chủ sở hữu: ông Lê Thanh M, sinh năm 1985, CCCD số 082085006387, địa chỉ thường trú: ấp L, xã T T, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 08, diện tích 6.583,0m² cấp ngày 28/11/2011, sổ vào sổ cấp GCN: CH00651 là giả (bao gồm: Mẫu in, hình dấu).

Sao kê chi tiết giao dịch của tài khoản Nguyễn Thị V, số tài khoản 1048811091 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) từ ngày 04/11/2024 đến 04/11/2024 (tại Mục số thứ tự 3 của sao kê) có thực hiện giao dịch chuyển tiền 161.500.000 đồng đến số tài khoản thụ hưởng Lê Thanh M, số tài khoản 633838, ngân hàng Nam Á và kèm theo các thông báo chi tiết giao dịch thành công (Thời gian thực hiện giao dịch vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày 04/11/2024).

Sao kê chi tiết giao dịch của tài khoản Lê Thanh M, số tài khoản 633838 tại Ngân hàng TMCP Nam Á từ ngày 01/11/2024 đến 29/11/2024: Tại mục số thứ tự 3 của sao kê tài khoản ngân hàng của Lê Thanh M đã nhận số tiền 161.500.000 đồng; Tại mục số thứ tự 4 của sao kê tài khoản Lê Thanh M đã thực hiện giao dịch chuyển tiền 155.000.000 đồng đến tài khoản người thụ hưởng Nguyễn Văn N, số tài khoản 109873919608, ngân hàng Vietinbank và kèm theo các thông báo chi tiết giao dịch thành công (Thời gian thực hiện giao dịch chuyển tiền vào lúc 13 giờ 54 phút, ngày 04/11/2024).

Trích xuất dữ liệu điện tử từ điện thoại của Nguyễn Kim N và Nguyễn Thị Thanh T ghi nhận một số hình ảnh tài liệu liên quan đến vụ án; ghi nhận một số tin nhắn giữa Nguyễn Kim N với Zalo “T B” để liên hệ làm giấy tờ giả nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị Thanh T.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2025/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cũ) đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim N phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim N 03 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, bị cáo Nguyễn Kim N có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem xét. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Bị cáo Nguyễn Kim N thừa nhận hành vi phạm tội, án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là không oan sai, đúng người đúng tội, bị cáo N có sự gian dối, lợi dụng lòng tin của bị hại là chị T sử dụng tài liệu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mạo để chiếm đoạt số tiền 170.000.000 đồng của chị T; ngoài ra bị cáo tiếp tục gian dối để mục đích chiếm đoạt tiếp số tiền 50.000.000 đồng của chị T thì bị phát hiện; hành vi của bị cáo bị truy tố và xét xử sơ thẩm về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[2]- Bị cáo có ý thức chủ quan thực hiện hành vi từ ban đầu, cố ý giả mạo về thông tin không đúng sự thật, gian dối nhằm chiếm đoạt tiền, bị cáo sử dụng tiền dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân; sau khi hành vi bị phát hiện bị cáo không có khả năng trả lại số tiền chiếm đoạt cho bị hại, hành vi của bị cáo là nguy hiểm, xem thường tài sản của người khác, cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội hai lần, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tương xứng đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có cơ sở để xem xét, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]- Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4]- Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Kim N.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2025/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim N phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim N 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2024.

3. Về án phí: Bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Trại tạm giam số 2 CA tỉnh Đồng Tháp; (1)
- TAND khu vực 4 – Đồng Tháp; (2)
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp; (1)
- THADS tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Bị cáo; (1)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Giàu